TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2021.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 257/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 01/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ngách 24, tổ dân phố Mai Sẫu, phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1982; nơi đang ký HKTT: Ngách 24, tổ dân phố Mai Sẫu, phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Phượng, xã Tân Mỹ, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Văn T trình bày:

Anh và chị Dương Thị N kết hôn năm 2009, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Mai (nay là phường Đa Mai),

thành phố B. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lời nói xúc phạm nhau. Đến nay mâu thuẫn của hai vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể giải quyết. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, amh đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn chị Dương Thị N.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Vũ Thị Hồng Ngân, sinh ngày 04/9/2010 và Vũ Hồng Vân, sinh ngày 13/01/2014. Sau khi ly hôn, anh đề nghị mỗi người trực tiếp nuôi một con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Vũ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Dương Thị N, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị N vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Dương Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi con chung là Vũ Thị Hồng Ngân, sinh ngày 04/9/2010; giao cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi con chung là Vũ Hồng Vân, sinh ngày 13/01/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị N đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà, anh Dương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Văn T và chị Dương Thị N kết hôn ngày 02/11/2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Mai (nay là phường Đa Mai), thành phố B, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh tại địa phương thì thấy hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống cùng với nhau, mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Dương Thị N.

[3]. Về con chung: Anh T và chị N có hai con chung là Vũ Thị Hồng Ngân, sinh ngày 04/9/2010 và Vũ Hồng Vân, sinh ngày 13/01/2014. Nay, anh chị ly hôn cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi một con chung là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc đương sự phải chịu án phí.

[7]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Dương Thị N.

2. Về con chung:

Giao cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi con chung là Vũ Thị Hồng Ngân, sinh ngày 04/9/2010.

Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi con chung là Vũ Hồng Vân, sinh ngày 13/01/2014.

Anh Vũ Văn T và chị Dương Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002456 ngày 03/8/2021. Xác nhận anh Vũ Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND tỉnh B;*
- *VKSND tp B;*
- *CCTHADS tp B ;*
- *UBND phường Đa Mai, tp B;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Kiên

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn – Nguyễn Văn Bảng	**Nguyễn Trần Kiên**